BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4377 /QĐ-BNNMT	*Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biến đổi khí hậu thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP, Nghị định số 396/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biến đổi khí hậu thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường *(có Phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2026.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, bãi bỏ các quy định tại Mục 1 Phần I và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính tương ứng tại Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-BNNMT ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực biến đổi khí hậu thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, Văn phòng Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ, Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, BĐKH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Lê Trọng Yên

Số: 4377/QĐ-BNNMT
Thời gian ký: 2026-11-25T08:40:16+07:00

Phụ lục.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	1.014129	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon	Biến đổi khí hậu	- Khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP, Nghị định số 396/2026/NĐ-CP	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện
2	1.014136	Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	Biến đổi khí hậu	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP, Nghị định số 396/2026/NĐ-CP	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện
3	1.014131	Thay đổi thành phần tham gia dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín	Biến đổi khí hậu	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
		chỉ các-bon trong nước		- Khoản 7 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP, Nghị định số 396/2026/NĐ-CP	tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện
4	1.014132	Hủy đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	Biến đổi khí hậu	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 8 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP, Nghị định số 396/2026/NĐ-CP	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện
5	1.014133	Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	Biến đổi khí hậu	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 9 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP, Nghị định số 396/2026/NĐ-CP	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

1. Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon (mã số TTHC: 1.014129)

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ quan, tổ chức tham gia chương trình, dự án đăng ký theo cơ chế tại điểm c khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) gửi hồ sơ đăng ký tài khoản tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ theo một trong các hình thức:

- Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh) hoặc tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án (trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên).

- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

b) Bước 2: Cấp tài khoản hoặc từ chối cấp tài khoản

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia cho cơ quan, tổ chức; trường hợp từ chối cấp tài khoản phải nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ*: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính; trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Thông báo trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị đăng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản chính)*;

(2) Tài liệu chương trình, dự án được đăng ký theo quy định của các cơ chế *(bản sao)*;

(3) Phương thức liên lạc của chương trình, dự án được đăng ký theo quy định của các cơ chế *(bản sao)*.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam tham gia chương trình, dự án theo cơ chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Thẩm quyền quyết định*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức được cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị đăng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam tham gia chương trình, dự án theo cơ chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC
_____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

ĐƠN ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN
trên Hệ thống đăng ký quốc gia
về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon

Kính gửi: …
(Ghi tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon)

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP và Nghị định số 396/2026/NĐ-CP;

(Tên cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị) đề nghị (Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) xem xét cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon cho (Tên cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị) chúng tôi theo các nội dung sau:

I. Thông tin về cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị:

1. Tên cơ quan/tổ chức viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

2. Tên cơ quan/tổ chức viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*: .....

3. Người đại diện cơ quan/tổ chức: ..... Chức vụ: .....

4. Mã số thuế cơ quan/tổ chức: .....

5. Địa chỉ: .....

6. Điện thoại: .....

7. Email: .....

8. Website của cơ quan/tổ chức: .....

II. Thông tin về chương trình/ dự án trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon:

1. Tên đầy đủ, mã đăng ký của chương trình/dự án: .....

2. Tên cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon chương trình/dự án đăng ký: .....

3. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án: .....

4. Thời gian đăng ký thực hiện chương trình/dự án: .....

5. Tổng lượng tín chỉ các-bon dự kiến được phân bổ từ chương trình/dự án: .....

6. Lượng tín chỉ các-bon đã được cấp của chương trình/ dự án *(nếu có)*: .....

7. Số seri tín chỉ bắt đầu, kết thúc *(nếu có)*: .....

8. Cơ quan/tổ chức cấp tín chỉ *(nếu có)*: .....

Hồ sơ đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon bao gồm:

(1) .....

(2) .....

(3) .....

(Liệt kê đầy đủ các tài liệu trong hồ sơ đề nghị theo danh mục hồ sơ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

Cơ quan/tổ chức chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu cung cấp thông tin không đúng quy định hoặc thông tin không trung thực.

Đề nghị (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) xem xét cấp tài khoản tín chỉ các-bon trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon cho cơ quan/tổ chức chúng tôi.

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...
TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC
(Đại diện cơ quan, tổ chức ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

2. Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước (mã số TTHC: 1.014136)

2.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ quan, tổ chức có đề nghị đăng ký dự án hoặc có nhu cầu điều chỉnh quy mô, công suất của dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước gửi hồ sơ đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức:

- Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh) hoặc tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án (trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên).

- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

b) Bước 2: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện thông báo cho cơ quan, tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo.

c) Bước 3: Đăng tải và lấy ý kiến

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện đăng tải hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình để lấy ý kiến rộng rãi; đồng thời, gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) để lấy ý kiến về việc đồng thuận cho đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án. Thời hạn đăng tải và lấy ý kiến trong vòng 22 ngày làm việc.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản căn cứ vào sự phù hợp của dự án với quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương.

d) Bước 4: Tổng hợp và thông báo ý kiến góp ý

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến, căn cứ kết quả tổng hợp ý kiến trên Cổng thông tin điện tử và ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện tổng hợp ý kiến và thông báo cho cơ

quan, tổ chức nộp hồ sơ.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan có ý kiến không đồng thuận thì Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo từ chối phê duyệt đăng ký cho cơ quan, tổ chức và nêu rõ lý do.

đ) Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến tại thông báo

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan có ý kiến đồng thuận, cơ quan, tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến tại thông báo và gửi đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) để thực hiện thẩm định.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án đã hoàn thiện kèm báo cáo thẩm định tài liệu dự án theo Mẫu số 04E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu.

e) Bước 6: Lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện gửi hồ sơ tới các cơ quan, tổ chức liên quan lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

h) Bước 7: Tổ chức đánh giá, quyết định phê duyệt đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan, tổ chức, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện tổ chức đánh giá theo các nội dung: biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, phương pháp tạo tín chỉ các-bon, các tham số giám sát hoạt động dự án; phê duyệt đăng ký hoặc điều chỉnh đăng ký dự án bằng quyết định theo Mẫu số 04G Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT); gửi cho cơ quan, tổ chức đề nghị đăng ký thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan (nếu có) và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia; trường hợp không phê duyệt đăng ký phải nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ*: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính; trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 04A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản chính)*;

(2) Tài liệu thiết kế dự án theo Mẫu số 04B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản sao)*;

(3) Kế hoạch giám sát dự án theo Mẫu số 04C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản sao)*;

(4) Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững theo Mẫu số 04D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản sao)*;

(5) Phương thức liên lạc theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản sao)*;

(6) Báo cáo thẩm định tài liệu dự án theo Mẫu số 04E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)*.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 46 ngày làm việc.

- *Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:* 03 ngày làm việc.

- *Thời hạn thực hiện đăng tải và lấy ý kiến hồ sơ*: 01 ngày làm việc.

- *Thời hạn đăng tải và lấy ý kiến*: 22 ngày làm việc.

- *Thời hạn tổng hợp và thông báo ý kiến*: 05 ngày làm việc.

- *Thời hạn gửi và lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án*: 10 ngày làm việc.

- *Tổ chức đánh giá, quyết định phê duyệt đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án*: 05 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam và nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có đề nghị đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Thẩm quyền quyết định*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhân hồ sơ.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện.

- *Cơ quan phối hợp:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và cơ quan, tổ chức có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc phê duyệt đăng ký dự án tạo tín chỉ các-bon theo Mẫu số 04G Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) và kết quả đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án được thể hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; hoặc thông báo về việc không phê duyệt đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 04A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức có đề nghị đăng ký dự án hoặc có nhu cầu điều chỉnh quy mô, công suất của dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

Mẫu số 04A

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: … /…	_____

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án
theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

_____

Kính gửi:…
(Ghi tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước)

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP và Nghị định số 396/2026/NĐ-CP;

(Tên cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án) đề nghị (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) xem xét chấp thuận đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước theo các nội dung sau:

I. Thông tin về cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị

1. Tên cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị: ……
2. Mã số thuế của cơ quan/tổ chức: ……
3. Người đại diện cho cơ quan/tổ chức đại diện: …… Chức vụ: ……...
4. Địa chỉ trụ sở: ……
5. Địa chỉ liên hệ: ……
6. Điện thoại liên hệ: ……...
7. Email: ……..

II. Thông tin về cơ quan/tổ chức khác (dự kiến) tham gia dự án *(ghi rõ tên các cơ quan/tổ chức (dự kiến) tham gia dự án, mã số thuế của cơ quan/tổ chức, địa chỉ trụ sở của cơ quan/tổ chức (dự kiến) tham gia dự án)*

III. Nội dung đề nghị

Đề nghị đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước với những thông tin sau:

1. Tên đầy đủ dự án đề nghị đăng ký/điều chỉnh đăng ký: ……
2. Địa điểm thực hiện dự án: ……..
3. Dự kiến thời gian thực hiện dự án: ……
4. Dự kiến kinh phí thực hiện dự án: ……..
5. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án (liệt kê rõ cho từng giai đoạn khởi công/lắp đặt trang thiết bị/vận hành…):……

6. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của dự án: ……...

7. Dự kiến lượng giảm phát thải khí nhà kính từ dự án: ……..……..…; lượng tín chỉ quy đổi: ……...

8. Số lần điều chỉnh dự án (nếu có): ……...

9. Lý do điều chỉnh (nếu có): ……..

IV. Các văn bản, tài liệu kèm theo

Hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước bao gồm:

(1) .....

(2) .....

(3) .....

(Liệt kê đầy đủ các tài liệu trong hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP và Nghị định số 396/2026/NĐ-CP và tài liệu khác gửi kèm theo (nếu có))

Chúng tôi cam kết về độ trung thực và tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư dự án. Nếu có vi phạm, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) xem xét, quyết định phê duyệt đăng ký/điều chỉnh đăng ký (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước của Việt Nam.

(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Đại diện cơ quan/ tổ chức ký,
ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 04B

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

TÀI LIỆU THIẾT KẾ DỰ ÁN

A. Mô tả dự án

A.1. Tên dự án

(Đề nghị nêu rõ công nghệ áp dụng và lĩnh vực thực hiện của dự án)

A.2. Mô tả chung về dự án, công nghệ và/hoặc giải pháp dự kiến sử dụng

(*Đề nghị mô tả: Mục đích; phương pháp giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính*)

A.3. Vị trí dự án (kèm tọa độ)

Quốc gia thực hiện	Việt Nam
Tỉnh/Thành phố	
Xã/Phường	
Vĩ độ, kinh độ:	

A.4. Tên của bên tham gia dự án

Việt Nam	
...	

A.5. Thời gian thực hiện

Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án	
Thời gian thực hiện dự án (dự kiến)	

B. Áp dụng phương pháp đã được phê duyệt

B.1. Lựa chọn phương pháp

(Điền số ký hiệu của phương pháp được phê duyệt và số của phiên bản sử dụng trong dự án)

Số ký hiệu của phương pháp	
Số phiên bản	
Số ký hiệu của phương pháp	
Số phiên bản	

B.2. Sự phù hợp của dự án đối với phương pháp được áp dụng

STT	Mô tả trong phương pháp[1]	Hoạt động dự án[2]
Tiêu chí 1		
Tiêu chí 2		
Tiêu chí 3		

C. Tính toán lượng giảm phát thải

C.1. Liệt kê nguồn phát thải và khí nhà kính

Phát thải đường cơ sở	
Các nguồn phát thải	Khí nhà kính
Phát thải dự án	
Các nguồn phát thải	Loại khí nhà kính

C.2. Nguồn phát thải và vị trí giám sát nguồn phát thải

(*Minh họa bằng sơ đồ)*

C.3. Tính toán lượng giảm phát thải trong từng năm

Năm	Phát thải đường cơ sở (tấn CO_2tđ)	Phát thải dự án (tấn CO_2tđ)	Lượng giảm phát thải (tấn CO_2tđ)
Năm A			
Năm B			
Năm C			
…			
Tổng (tấn CO_2tđ)			

D. Đánh giá tác động môi trường	
Quy định pháp lý liên quan đến đánh giá tác động môi trường cho dự án	

(Lựa chọn "Có" hoặc "Không" tùy theo quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đính kèm đánh giá tác động môi trường trong trường hợp lựa chọn "CÓ".)

Đ. Tham vấn các bên liên quan

Đ.1. Quy trình tham vấn

[1] Liệt kê lại các mô tả được xác định cho từng tiêu chí phù hợp trong phương pháp áp dụng.

[2] Giải thích cách dự án đáp ứng từng tiêu chí đủ điều kiện của phương pháp áp dụng.

Đ.2. Tổng hợp ý kiến và giải trình

Các bên liên quan	Ý kiến	Giải trình

E. Tài liệu tham khảo

Phụ lục

(Thông tin thêm về ước tính lượng giảm phát thải, nếu cần thiết).

Quá trình sửa đổi tài liệu thiết kế dự án		
Phiên bản	Ngày	Nội dung sửa đổi

Mẫu số 04C

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỰ ÁN

Bảng 1. Các thông số giám sát thực tế

(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(k)
Số điểm giám sát	**Tham số**	**Mô tả dữ liệu**	**Ước tính các giá trị**	**Các đơn vị**	**Phương án giám sát**	**Nguồn dữ liệu**	**Phương pháp và quy trình đo lường**	**Tần suất giám sát**	**Ý kiến khác**

Bảng 2: Các thông số cụ thể của dự án sẽ được cố định dự kiến

(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)
Tham số	**Mô tả dữ liệu**	**Ước tính các giá trị**	**Các đơn vị**	**Nguồn dữ liệu**	**Ý kiến khác**

Bảng 3. Dự kiến về mức giảm phát thải CO_2

Lượng giảm phát thải CO_2	**Các đơn vị**
...	tCO_2 / p

Bảng 4. Phương án giám sát

Phương án giám sát	**Cơ sở đề xuất**
Phương án A	Dựa trên dữ liệu công khai được đo lường bởi các tổ chức không phải là các bên tham gia dự án (Dữ liệu được sử dụng: dữ liệu được công nhận công khai như dữ liệu thống kê và thông số kỹ thuật)
Phương án B	Dựa trên số lượng giao dịch được đo trực tiếp bằng thiết bị đo lường (Dữ liệu được sử dụng: bằng chứng thương mại như hóa đơn...)
Phương án C	Dựa trên kết quả đo thực tế bằng thiết bị đo lường (Dữ liệu được sử dụng: giá trị đo được)

Bảng 5. Tổ chức giám sát

Người chịu trách nhiệm	Vai trò
Quản lý dự án	Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, thực hiện dự án, giám sát kết quả và báo cáo.
Phó giám đốc dự án	Phụ trách duyệt dữ liệu lưu trữ sau khi đã được kiểm tra và chỉnh sửa khi cần thiết.
Người quản lý cơ sở	Phụ trách quy trình giám sát (thu thập và lưu trữ dữ liệu), bao gồm các thiết bị giám sát và hiệu chuẩn, và đào tạo nhân viên giám sát.
Người điều hành	Phụ trách việc kiểm tra các số liệu lưu trữ có bất thường và thiếu.
...	

Mẫu số 04D

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

KẾ HOẠCH/BÁO CÁO THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN

A. Mô tả dự án

A.1. Tên dự án

A.2. Thông tin chung của dự án

Số tham chiếu	
Ngày đăng ký	.../.../...
Thời gian giám sát	Bắt đầu: .../.../..., Kết thúc: .../.../...

B. Đóng góp cho phát triển bền vững

B.1 Danh sách kiểm tra đóng góp cho phát triển bền vững

TT	Các mục		Không xác định	Đã xác định	Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô "đã xác định"
1	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Dự án được đưa vào Báo cáo đánh giá tác động môi trường	□	□	
2	Kiểm soát Ô nhiễm	Xảy ra ô nhiễm chất lượng không khí xung quanh	□	□	
3		Xảy ra ô nhiễm chất lượng nước	□	□	
4		Xảy ra phát sinh chất thải	□	□	
5		Xảy ra tiếng ồn và/hoặc độ rung	□	□	
6		Xảy ra sụt lún đất	□	□	
7		Xảy ra mùi xung quanh	□	□	
8	An toàn và sức khỏe	Xảy ra sự cố hoặc tai nạn lao động	□	□	
9	Môi trường tự nhiên và	Thay đổi tình trạng khu vực được bảo vệ	□	□	
10		Thay đổi điều kiện sử dụng đất và hệ sinh thái	□	□	

TT	Các mục		Không xác định	Đã xác định	Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô "đã xác định"
11	đa dạng sinh học	Giới thiệu các loài ngoại lai	□	□	
12		Tác động môi trường trong khi xây dựng	□	□	
13		Sử dụng nước bề mặt, nước ngầm và/hoặc nước ngầm sâu	□	□	
14	Kinh tế	Giảm năng lực lao động địa phương	□	□	
15		Suy giảm phúc lợi cộng đồng địa phương	□	□	
16	Sự tham gia của cộng đồng xã hội và địa phương	Vi phạm nhân quyền thông qua chuỗi cung ứng và thực hiện dự án	□	□	
17		Các vấn đề liên quan đến quyền về sức khỏe, quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, người di cư, trẻ em, người khuyết tật và người có hoàn cảnh dễ bị tổn thương và quyền phát triển, cũng như bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và công bằng giữa các thế hệ	□	□	
18		Xuất hiện tái định cư hoặc xung đột	□	□	
19		Thất bại trong việc theo dõi các nhận xét và khiếu nại	□	□	
20		Vi phạm điều kiện làm việc quy định	□	□	
21	Công nghệ	Thất bại trong việc xây dựng năng lực con người và thể chế bằng chuyển giao công nghệ	□	□	
22		Thất bại trong việc cung cấp được thông số kỹ thuật công nghệ và sách hướng dẫn sử dụng ít nhất bằng tiếng Anh và tiếng Việt nếu có	□	□	

Đánh dấu vào từng ô "Không xác định" hoặc "Đã xác định" tùy thuộc vào loại tác động thông qua việc thực hiện dự án phù hợp với từng hạng mục được xác định. Khi ô "Đã xác định" được đánh dấu, các bên tham gia dự án được yêu cầu mô tả các hành động khắc phục đối với từng tác động "Đã xác định".

B.2 Mô tả đóng góp của dự án theo Cơ chế … cho sự phát triển bền vững ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới đây:

Mẫu số 04Đ

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

PHƯƠNG THỨC LIÊN LẠC

Phần 1: Mô tả dự án	
Tên dự án	
Quốc gia thực hiện	Việt Nam
Thời gian đệ trình	Ngày … tháng … năm …

Phần 2: Cơ quan đại diện		
Tên cơ quan:		
Địa chỉ :		
Điện thoại:		Fax:
Địa chỉ thư điện tử:		Website:
Người đại diện (chính thức):		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:		Ngày … tháng … năm …
Người đại diện (thay thế):		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:		Ngày … tháng … năm …
Đầu mối liên hệ:		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Đơn vị công tác:		
Di động:		Điện thoại cơ quan.:
Địa chỉ thư điện tử:		Fax:
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG	Tên cơ quan có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐
	Cơ quan đại diện có là bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐

TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Trong trường hợp cơ quan đại diện là bên tham gia dự án, cơ quan có sử dụng chữ ký đại diện giống chữ ký sử dụng trong vai trò bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐

Phần 3: Bên thứ ba	
Bên thứ ba thực hiện thẩm định (và thẩm tra) dự án	
Địa chỉ:	
Đầu mối liên hệ:	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Đơn vị công tác:	
Địa chỉ thư điện tử:	Điện thoại liên hệ:

Phần 4: Danh sách các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện	
	Tên các bên tham gia dự án
(1)	
(2)	
(3)	
(4)	
(5)	
(6)	

**Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

**Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

Phần 5: Thông tin liên hệ
(Phần dành cho các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện)

Bên tham gia dự án (1)	
Tên bên tham gia dự án:	
Địa chỉ:	
Điện thoại:	Fax:
Địa chỉ thư điện tử:	Website:
Người đại diện (chính thức):	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	

Chữ ký:		Ngày … tháng … năm …
Người đại diện (thay thế):		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:		Ngày … tháng … năm …
Đầu mối liên hệ:		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Đơn vị công tác:		
Di động:		Điện thoại cơ quan:
Địa chỉ thư điện tử:		Fax:
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Tên bên tham gia dự án có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐

**Có thể chèn thêm thông tin vào Bảng, nếu cần thiết.*

Phần 6: Xác nhận	
Xác nhận của cơ quan/tổ chức đại diện và các bên tham gia dự án.	
Tên cơ quan/tổ chức đại diện: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …	(1) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …
(2) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …	(3) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …
(4) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …	(5) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …

**Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

**Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

Phần 7: Cam kết không đăng ký trùng lặp		
Cơ quan/tổ chức đại diện cam kết dự án này không được sử dụng để đăng ký tham gia bất kỳ cơ chế giảm phát thải nào khác ngoài Cơ chế này, đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính của dự án.		
Tôi xin cam đoan dự án này chưa được sử dụng để đăng ký vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác ngoài Cơ chế ...., đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính. Tôi xin cam đoan dự án này sẽ không được đăng ký cho bất kỳ cơ chế giảm phát thải quốc tế nào trong trường hợp dự án được công nhận là dự án thuộc Cơ chế...		
Cơ quan/tổ chức đại diện:		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:		Ngày … tháng … năm …

Mẫu số 04E

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH TÀI LIỆU DỰ ÁN

A. Tóm tắt nội dung

A.1. Thông tin chung

Tên dự án:	
Số ký hiệu:	
Đơn vị thẩm định độc lập:	
Thành viên tham gia dự án đại diện ký hợp đồng với Đơn vị thẩm định độc lập	
Ngày lập báo cáo:	

A.2. Kết luận về quá trình xác minh

Đánh giá chung về thẩm định dự án	☐ Tích cực ☐ Tiêu cực

A.3. Tóm tắt các kết luận về quá trình thẩm định

Kết quả thẩm định dự án chỉ được đánh giá tích cực khi tất cả các ô vuông đều được đánh dấu

Nội dung thực hiện	**Nội dung thẩm định**	**Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL)**
Hoàn thành Mẫu tài liệu thiết kế dự án (PDD)	Đơn vị thẩm định làm nhiệm vụ thẩm tra việc hoàn thành PDD có theo đúng mẫu PDD mới nhất, phù hợp với loại dự án, và tuân thủ Hướng dẫn xây dựng PDD trong Cơ chế …, Hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo giám sát hay không?	☐
Mô tả dự án	Phần mô tả dự án đề xuất trong PDD có đảm bảo tính chính xác, hoàn thiện và bao quát hay không?	☐
Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt	Phương pháp được lựa chọn áp dụng có phù hợp với các điều kiện của dự án hay không? Và phiên bản áp dụng có còn hiệu lực tại thời điểm đệ trình để thực hiện xác minh dự án hay không?	☐

Nội dung thực hiện	Nội dung thẩm định	Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL)
Nguồn phát thải và tính toán lượng giảm phát thải	Các nguồn phát thải khí nhà kính sử dụng để tính toán lượng phát thải của dự án và phát thải tham chiếu có được liệt kê đầy đủ hay không?	☐
	Các giá trị mặc định (tính toán trước) cho các thông số của dự án được liệt kê trong Mẫu giám sát có phù hợp hay không (nếu áp dụng)?	☐
Đánh giá tác động môi trường	Trong trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), các thành viên tham gia dự án đã thực hiện ĐTM theo đúng quy định của Việt Nam hay chưa?	☐
Tham vấn các bên liên quan tại địa phương	Các thành viên tham gia dự án phải thực hiện quá trình tham vấn các bên liên quan tại địa phương nhằm gắn kết sự tham gia của các Bên và tập hợp ý kiến đóng góp cho dự án.	☐
Tổ chức giám sát	Phần mô tả về kế hoạch giám sát (sử dụng Mẫu kế hoạch giám sát và Cơ cấu tổ chức giám sát) phải dựa theo phương pháp đã phê duyệt và/hoặc Hướng dẫn về xây dựng PDD, Kế hoạch giám sát và Báo cáo giám sát. Các điểm giám sát đo đạc và việc lắp đặt thiết bị (trong trường hợp cần thiết) phải đảm bảo tính phù hợp.	☐
Ý kiến công chúng	Các thành viên tham gia dự án đảm bảo dữ liệu điền vào PDD có theo đúng Hướng dẫn thủ tục về chu trình dự án.	☐
Các hình thức liên lạc	Thông tin nhận biết về các thành viên tham gia dự án, cơ quan/tổ chức đại diện và cá nhân đại diện cho các đơn vị bao gồm chữ ký mẫu, chức vụ và thông tin về đại diện có thẩm quyền cần được liệt kê trong mẫu về các hình thức liên lạc.	☐
	Mẫu phương thức công bố thông tin phải được hoàn thành một cách chính xác và theo đúng thẩm quyền.	☐
Tránh đăng ký trùng lặp	Dự án đăng ký thực hiện theo Cơ chế ... không được đăng ký tham gia vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác.	☐
Thời điểm bắt đầu thực hiện	....	☐

Đại diện có thẩm quyền (chính thức):	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	

Chữ ký:	Ngày … tháng … năm …

B. Nhóm công tác thực hiện việc công nhận và chuyên gia

	Thành viên	Cơ quan	Chức vụ	Kinh nghiệm về các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon*	Trình độ chuyên môn*	Kinh nghiệm thực tế
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐

C. Hình thức xác nhận, kết quả và kết luận dựa vào quy định về báo cáo

C.1. Biểu mẫu về tài liệu thiết kế dự án (PDD

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.2. Mô tả dự án

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.3. Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.4. Nguồn phát thải và tính toán lượng giảm phát thải

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.5. Đánh giá tác động môi trường

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.6. Tham vấn các bên liên quan tại địa phương

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.7. Tổ chức giám sát

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.8. Các phương thức công bố thông tin

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.9. Tránh đăng ký trùng lặp

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.10. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.11. Các vấn đề khác

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

D. Thông tin về ý kiến công chúng

D.1. Tóm tắt các ý kiến công chúng

D.2. Tóm tắt quá trình xử lý dữ liệu thu nhận của các thành viên tham gia dự án

E. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn và các tài liệu được cung cấp

E.1. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn

E.2. Danh sách tài liệu được cung cấp

Phụ lục: Bằng cấp và Sơ yếu lý lịch các thành viên tham gia Nhóm thực hiện thẩm định dự án của Đơn vị thẩm định độc lập

Đính kèm chứng chỉ và sơ yếu lý lịch của các thành viên nhóm thẩm định, các chuyên gia kỹ thuật và phản biện nội bộ của Đơn vị thẩm định độc lập.

Mẫu số 04G

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

TÊN CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-.....	*(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

_____

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN…

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP và Nghị định số 396/2026/NĐ-CP;

Căn cứ (liệt kê các căn cứ khác (nếu có));

Xét đề nghị đăng ký dự án tại Công văn... ngày... tháng... năm...của (tên cơ quan/tổ chức đăng ký/điều chỉnh đăng ký dự án);

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đăng ký/điều chỉnh đăng ký cho dự án (tên dự án ...) tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước với thông tin như sau:

- Tên dự án: .....
- Tên cơ quan, tổ chức đề xuất đăng ký dự án:.....
- Thông tin chi tiết tại Tài liệu thiết kế dự án kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(Cơ quan/tổ chức có liên quan) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**
- Như Điều 3;	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*
- Các cơ quan/tổ chức có liên quan;	
- Lưu:..	

3. Thay đổi thành phần tham gia dự án (mã số TTHC: 1.014131)

3.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức:

- Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh) hoặc tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án (trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên).

- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

b) Bước 2: Thực hiện điều chỉnh và trả kết quả

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện thay đổi thành phần tham gia dự án theo đề nghị của cơ quan, tổ chức và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

3.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ*: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính; trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Thông báo trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản chính)*;

(2) Phương thức liên lạc bổ sung theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản sao)*.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị thay đổi về thành phần tham gia dự án.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Thẩm quyền quyết định*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông tin về thành phần tham gia dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước được điều chỉnh trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị thay đổi về thành phần tham gia dự án.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Khoản 7 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

TÊN TỔ CHỨC
_____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thay đổi thành phần tham gia dự án
theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước
_____

Kính gửi: .....
(Ghi tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước)

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP và Nghị định số 396/2026/NĐ-CP;

(Tên cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án) đề nghị (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) xem xét điều chỉnh thành phần tham gia dự án (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước của chúng tôi theo các nội dung sau:

I. Thông tin cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị

1. Tên cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị: .....

2. Đại diện cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị: ..... Chức vụ: .....

3. Mã số thuế cơ quan/tổ chức: .....

4. Địa chỉ: .....

5. Điện thoại: .....

6. Email: .....

II. Thông tin dự án

1. Tên đầy đủ của dự án: .....

2. Mã dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước: .....

III. Đề nghị thay đổi

1. Thông tin thành phần thay đổi: .....

(Ghi rõ thông tin đầu mối liên hệ, người đại diện của cơ quan/tổ chức đề nghị bổ sung tham gia dự án)

2. Lý do thay đổi thành phần tham gia dự án: .....

3. Tác động tới hoạt động của dự án khi thay đổi thành phần tham gia *(nếu có)*:

.....

.....

IV. Hồ sơ kèm theo

1 .....

2 .....

3 .....

(Liệt kê đầy đủ tài liệu trong hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP và Nghị định số 396/2026/NĐ-CP và các tài liệu gửi kèm theo (nếu có)).

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu cung cấp thông tin không đúng quy định hoặc thông tin không trung thực và cam kết hoàn thành các nghĩa vụ phát sinh do điều chỉnh thành phần tham gia dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) xem xét điều chỉnh thành phần dự án (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN

(Đại diện cơ quan/tổ chức ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 04Đ

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

PHƯƠNG THỨC LIÊN LẠC

Phần 1: Mô tả dự án	
Tên dự án	
Quốc gia thực hiện	Việt Nam
Thời gian đệ trình	Ngày … tháng … năm …

Phần 2: Cơ quan đại diện		
Tên cơ quan:		
Địa chỉ :		
Điện thoại:		Fax:
Địa chỉ thư điện tử:		Website:
Người đại diện (chính thức):		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:		Ngày … tháng … năm …
Người đại diện (thay thế):		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:		Ngày … tháng … năm …
Đầu mối liên hệ:		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Đơn vị công tác:		
Di động:		Điện thoại cơ quan.:
Địa chỉ thư điện tử:		Fax:
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Tên cơ quan có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐
	Cơ quan đại diện có là bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐
	Trong trường hợp cơ quan đại diện là bên tham gia dự án, cơ quan có sử dụng chữ ký đại diện giống chữ ký sử dụng trong vai trò bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐

Phần 3: Bên thứ ba	
Bên thứ ba thực hiện thẩm định (và thẩm tra) dự án	

Địa chỉ:	
Đầu mối liên hệ:	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Đơn vị công tác:	
Địa chỉ thư điện tử:	Điện thoại liên hệ:

Phần 4: Danh sách các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện	
	Tên các bên tham gia dự án
(1)	
(2)	
(3)	
(4)	
(5)	
(6)	

**Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

**Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

Phần 5: Thông tin liên hệ
(Phần dành cho các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện)

Bên tham gia dự án (1)		
Tên bên tham gia dự án:		
Địa chỉ:		
Điện thoại:		Fax:
Địa chỉ thư điện tử:		Website:
Người đại diện (chính thức):		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:		Ngày … tháng … năm …
Người đại diện (thay thế):		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:		Ngày … tháng … năm …
Đầu mối liên hệ:		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Đơn vị công tác:		
Di động:		Điện thoại cơ quan:
Địa chỉ thư điện tử:		Fax:
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Tên bên tham gia dự án có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐

**Có thể chèn thêm thông tin vào Bảng, nếu cần thiết.*

Phần 6: Xác nhận	
Xác nhận của cơ quan/tổ chức đại diện và các bên tham gia dự án.	
Tên cơ quan/tổ chức đại diện: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …	(1) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …
(2) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …	(3) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …
(4) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …	(5) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …

**Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

**Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

Phần 7: Cam kết không đăng ký trùng lặp		
Cơ quan/tổ chức đại diện cam kết dự án này không được sử dụng để đăng ký tham gia bất kỳ cơ chế giảm phát thải nào khác ngoài Cơ chế này, đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính của dự án.		
Tôi xin cam đoan dự án này chưa được sử dụng để đăng ký vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác ngoài Cơ chế ...., đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính. Tôi xin cam đoan dự án này sẽ không được đăng ký cho bất kỳ cơ chế giảm phát thải quốc tế nào trong trường hợp dự án được công nhận là dự án thuộc Cơ chế...		
Cơ quan/tổ chức đại diện:		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:	Ngày … tháng … năm …	

4. Hủy đăng ký dự án (mã số TTHC: 1.014132)

4.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị hủy đăng ký dự án tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức:

- Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh) hoặc tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án (trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên).

- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

b) Bước 2: Thực hiện hủy đăng ký dự án và trả kết quả

Trong thời hạn không quá 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện hủy đăng ký dự án theo đề nghị của cơ quan, tổ chức trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

4.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ*: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính; trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Thông báo trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị hủy đăng ký dự án theo Mẫu số 06 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản chính)*;

(2) Phương thức liên lạc theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản sao)*;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị hủy đăng ký dự án.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Thẩm quyền quyết định*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông tin về hủy dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước được thể hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị hủy đăng ký dự án theo Mẫu số 06 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký có đề nghị hủy đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Khoản 8 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	_____

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hủy đăng ký dự án
theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

Kính gửi: .....
(Ghi tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị hủy đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước)

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP và Nghị định số 396/2026/NĐ-CP;

(Tên cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị hủy đăng ký dự án) đề nghị (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) xem xét hủy đăng ký dự án (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước của chúng tôi theo các nội dung sau:

I. Thông tin dự án đã đăng ký

1. Tên đầy đủ của dự án: .....

2. Mã dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước: .....

3. Lĩnh vực giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của dự án: .....

4. Đơn vị thẩm định tài liệu thiết kế dự án:

- Tên đơn vị: .....

- Mã số thuế: .....

II. Thông tin cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị hủy đăng ký dự án

1. Tên cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị: .....

2. Người đại diện có thẩm quyền thay mặt cho tổ chức đại diện đề nghị: .....; chức vụ: .....

3. Mã số thuế của tổ chức: .....

4. Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ liên hệ: .....

- Điện thoại: .....

- Email: .....

III. Thông tin đề nghị

Đề nghị (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) xem xét hủy đăng ký cho dự án (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước của Việt Nam.

Lý do đề nghị hủy đăng ký dự án: .....

…..
.

IV. Hồ sơ kèm theo

1. .....
.

2. .....
.

3. .....
.

(Liệt kê đầy đủ tài liệu trong hồ sơ đề nghị hủy đăng ký dự án theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP và Nghị định số 396/2026/NĐ-CP; trường hợp lý do đề nghị hủy đăng ký dự án do đơn vị thẩm định sửa đổi nội dung thẩm định tài liệu dự án, đề nghị cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ cung cấp báo cáo thẩm định sửa đổi*).*

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu cung cấp thông tin không đúng quy định hoặc thông tin không trung thực, hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết và trách nhiệm với các bên liên quan phát sinh do hủy đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước theo quy định của pháp luật.

(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Đại diện cơ quan, tổ chức ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 04Đ

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

PHƯƠNG THỨC LIÊN LẠC

Phần 1: Mô tả dự án	
Tên dự án	
Quốc gia thực hiện	Việt Nam
Thời gian đệ trình	Ngày … tháng … năm …

Phần 2: Cơ quan đại diện		
Tên cơ quan:		
Địa chỉ :		
Điện thoại:	Fax:	
Địa chỉ thư điện tử:	Website:	
Người đại diện (chính thức):	Ông ☐	Bà ☐
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Chữ ký:	Ngày … tháng … năm …	
Người đại diện (thay thế):	Ông ☐	Bà ☐
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Chữ ký:	Ngày … tháng … năm …	
Đầu mối liên hệ:	Ông ☐	Bà ☐
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Đơn vị công tác:		
Di động:	Điện thoại cơ quan.:	
Địa chỉ thư điện tử:	Fax:	
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Tên cơ quan có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐
	Cơ quan đại diện có là bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐
	Trong trường hợp cơ quan đại diện là bên tham gia dự án, cơ quan có sử dụng chữ ký đại diện giống chữ ký sử dụng trong vai trò bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐

Phần 3: Bên thứ ba	
Bên thứ ba thực hiện thẩm định (và thẩm tra) dự án	

Địa chỉ:	
Đầu mối liên hệ:	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Đơn vị công tác:	
Địa chỉ thư điện tử:	Điện thoại liên hệ:

Phần 4: Danh sách các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện	
	Tên các bên tham gia dự án
(1)	
(2)	
(3)	
(4)	
(5)	
(6)	

**Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

**Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

Phần 5: Thông tin liên hệ
(Phần dành cho các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện)

Bên tham gia dự án (1)		
Tên bên tham gia dự án:		
Địa chỉ:		
Điện thoại:		Fax:
Địa chỉ thư điện tử:		Website:
Người đại diện (chính thức):		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:		Ngày … tháng … năm …
Người đại diện (thay thế):		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:		Ngày … tháng … năm …
Đầu mối liên hệ:		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Đơn vị công tác:		
Di động:		Điện thoại cơ quan:
Địa chỉ thư điện tử:		Fax:
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Tên bên tham gia dự án có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐

**Có thể chèn thêm thông tin vào Bảng, nếu cần thiết.*

Phần 6: Xác nhận	
Xác nhận của cơ quan/tổ chức đại diện và các bên tham gia dự án.	
Tên cơ quan/tổ chức đại diện: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …	(1) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …
(2) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …	(3) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …
(4) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …	(5) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày … tháng … năm …

**Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

**Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

Phần 7: Cam kết không đăng ký trùng lặp		
Cơ quan/tổ chức đại diện cam kết dự án này không được sử dụng để đăng ký tham gia bất kỳ cơ chế giảm phát thải nào khác ngoài Cơ chế này, đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính của dự án.		
Tôi xin cam đoan dự án này chưa được sử dụng để đăng ký vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác ngoài Cơ chế ...., đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính. Tôi xin cam đoan dự án này sẽ không được đăng ký cho bất kỳ cơ chế giảm phát thải quốc tế nào trong trường hợp dự án được công nhận là dự án thuộc Cơ chế...		
Cơ quan/tổ chức đại diện:		Ông ☐ Bà ☐
Họ:		Tên:
Chức vụ:		
Chữ ký:	Ngày … tháng … năm …	

5. Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước (mã số TTHC: 1.014133)

5.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ các-bon tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức:

- Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh) hoặc tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án (trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên).

- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện thông báo cho cơ quan, tổ chức đề nghị về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan, tổ chức đề nghị hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo.

Sau 10 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo, trường hợp cơ quan, tổ chức không gửi hồ sơ đã được hoàn thiện theo văn bản thông báo thì phải thực hiện nộp lại hồ sơ như lần đầu.

c) Bước 3: Lấy ý kiến về việc cấp tín chỉ các-bon cho dự án

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và các cơ quan, tổ chức liên quan lấy ý kiến về việc cấp tín chỉ các-bon cho dự án. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

d) Bước 4: Quyết định cấp tín chỉ các-bon và trả kết quả

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và của cơ quan, tổ chức liên quan, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện quyết định cấp tín chỉ các-bon và thông báo cho tổ chức đề nghị và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; trường hợp không cấp tín chỉ các-bon phải nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ*: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính; trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Thông báo trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp tín chỉ các-bon theo Mẫu số 07A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản chính)*;

(2) Báo cáo giám sát dự án theo Mẫu số 07B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản sao)*;

(3) Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án theo Mẫu số 07C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)*;

(4) Báo cáo phát triển bền vững theo Mẫu số 04D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT) *(bản sao)*.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 26 ngày làm việc.

- *Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:* 03 ngày làm việc.

- *Thời hạn gửi hồ sơ lấy ý kiến:* 03 ngày làm việc.

- *Thời hạn góp ý kiến:* 10 ngày làm việc.

- *Trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết:* 10 ngày làm việc.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị cấp tín chỉ các-bon.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Thẩm quyền quyết định*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ giao thực hiện.

- *Cơ quan phối hợp:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và cơ quan, tổ chức có liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông tin về việc cấp tín chỉ cho dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước được công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp tín chỉ các-bon theo Mẫu số 07A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị cấp tín chỉ các-bon.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Khoản 9 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT).

Mẫu số 07A

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp tín chỉ các-bon
theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

Kính gửi: .....

(Ghi tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước)

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP và Nghị định số 396/2026/NĐ-CP;

(Tên cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị cấp tín chỉ các-bon) đề nghị (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) xem xét cấp tín chỉ các-bon cho dự án (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước của chúng tôi theo các nội dung sau:

I. Thông tin dự án đã đăng ký

1. Tên đầy đủ của dự án:

….....

2. Mã dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước: .....

3. Đơn vị thẩm định tài liệu dự án:

- Tên đơn vị: .....

- Mã số thuế: .....

4. Thành phần tham gia dự án theo phê duyệt đăng ký hoặc phê duyệt điều chỉnh đăng ký dự án gần nhất và thông tin số tài khoản của các cơ quan, tổ chức tham gia dự án trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon: *(Liệt kê đầy đủ thành phần tham gia dự án)*:

…….....

TT	Tên cơ quan/tổ chức tham gia dự án	Trụ sở của cơ quan/tổ chức tham gia dự án	Mã số doanh nghiệp, mã số thuế của cơ quan/tổ chức tham gia dự án	Số tài khoản tín chỉ của cơ quan/tổ chức trên Hệ thống đăng ký quốc gia
1				
2				
...				

5. Giai đoạn nhận tín chỉ của dự án: từ tháng ...../năm ..... đến tháng ...../ năm .....

6. Niên hạn của tín chỉ (chọn loại niên hạn 05 năm hoặc 10 năm):

- Bắt đầu: ngày/tháng/năm;

- Kết thúc: ngày/tháng/năm.

II. Thông tin cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị cấp tín chỉ các-bon

1. Tên cơ quan/tổ chức: .....

2. Người đại diện cho cơ quan/tổ chức:.....; chức vụ: .....

3. Mã số thuế của cơ quan/tổ chức: .....

4. Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ liên hệ: .....

- Điện thoại: .....

- Email: .....

III. Thông tin thẩm định báo cáo kết quả giảm nhẹ của dự án

1. Thông tin đơn vị thẩm định kết quả giảm nhẹ của dự án :

- Tên đơn vị: .....

- Mã số thuế: .....

2. Ngày đơn vị thẩm định hoàn thành báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ của dự án cho giai đoạn đề nghị cấp tín chỉ: .....

3. Tổng lượng giảm phát thải khí nhà kính được thẩm định: (*Ghi rõ lượng giảm phát thải khí nhà kính được thẩm định theo từng năm*)

	Lượng giảm phát thải khí nhà kính được thẩm định (CO_2 tương đương)
Năm 20...	
Năm 20...	
...	

IV. Đề nghị

1. Cấp tín chỉ cho dự án

Đề nghị (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) xem xét cấp tín chỉ cho (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước của Việt Nam cho (giai đoạn đề nghị cấp tín chỉ) theo đề xuất như sau:

	Lượng giảm phát thải khí nhà kính được thẩm định (tấn CO_2 tương đương)	**Lượng tín chỉ đề nghị cấp cho dự án** (tín chỉ)
Năm 20...		
Năm 20...		
...		

2. Cấp tín chỉ cho các cơ quan/tổ chức tham gia dự án theo đề xuất phân bổ

Đề nghị (tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ các-bon) xem xét cấp tín chỉ các-bon của (tên dự án) cho các cơ quan, tổ chức tham gia dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước cho (giai đoạn đề nghị cấp tín chỉ) theo đề xuất phân bổ tín chỉ như sau:

	Lượng giảm phát thải khí nhà kính được thẩm định (tấn CO_2 tương đương)	**Tổ chức A** (tín chỉ)	**Tổ chức B** (tín chỉ)	**Tổ chức C** (tín chỉ)
Năm 20...				
Năm 20...				
...				
Tổng				

V. Hồ sơ kèm theo

1. .....

2.....

3. .....

(Liệt kê đầy đủ tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ cho dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP, Nghị định số 112/2026/NĐ-CP và Nghị định số 396/2026/NĐ-CP) và các tài liệu khác gửi kèm theo (nếu có));

VI. Xác nhận đồng thuận của các cơ quan/tổ chức tham gia dự án về đề nghị cấp tín chỉ

Tên tổ chức	**Xác nhận đồng thuận về đề nghị cấp tín chỉ** *(Người đại diện hợp pháp của tất cả các cơ quan/tổ chức tham gia dự án ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*
Cơ quan/Tổ chức A	
Cơ quan/Tổ chức B	
...	

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu cung cấp thông tin không đúng quy định hoặc thông tin không trung thực, hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết và trách nhiệm với các bên liên quan phát sinh do quyết định

cấp tín chỉ các-bon cho dự án (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước theo quy định của pháp luật.

(Địa danh), ngày ..... tháng ..... năm .....

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Đại diện cơ quan, tổ chức ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 07B

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

BÁO CÁO GIÁM SÁT DỰ ÁN

1. Các thông số được giám sát

(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)
Thứ tự điểm giám sát	**Thông số giám sát**	**Mô tả dữ liệu**	**Các giá trị ước tính**	**Đơn vị**	**Lựa chọn giám sát**	**Nguồn dữ liệu**	**Các phương thức và cách thức đo đạc**	**Tần suất giám sát**	**Ghi chú**

2. Các thông số đặc trưng của dự án được mặc định trước

(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)
Thông số	**Mô tả dữ liệu**	**Các giá trị ước tính**	**Đơn vị**	**Nguồn dữ liệu**	**Ghi chú**

3. Ước lượng trước lượng giảm khí nhà kính

Lượng giảm phát thải CO_2	Đơn vị
	Tấn CO_2/năm

Mẫu số 07C

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ GIẢM NHẸ DỰ ÁN

A. Tóm tắt nội dung

A.1. Thông tin chung

Tên dự án:	
Số ký hiệu:	
Đơn vị thẩm định độc lập:	
Thành viên tham gia dự án đại diện ký hợp đồng với Đơn vị thẩm định độc lập	
Ngày lập báo cáo:	

A.2. Kết luận về quá trình xác minh

Đánh giá chung về thẩm định dự án	☐ Tích cực ☐ Tiêu cực

A.3. Tóm tắt các kết luận về quá trình thẩm định

Kết quả thẩm định dự án chỉ được đánh giá tích cực khi tất cả các ô vuông đều được đánh dấu

Nội dung thực hiện	**Nội dung thẩm định**	**Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL)**
Hoàn thành Mẫu tài liệu thiết kế dự án (PDD)	Đơn vị thẩm định làm nhiệm vụ thẩm tra việc hoàn thành Mẫu tài liệu thiết kế dự án có theo đúng mẫu quy định, phù hợp với loại dự án, và tuân thủ Hướng dẫn xây dựng Mẫu tài liệu thiết kế dự án trong Cơ chế …, Hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo giám sát hay không?	☐
Mô tả dự án	Phần mô tả dự án đề xuất trong Mẫu tài liệu thiết kế dự án có đảm bảo tính chính xác, hoàn thiện và bao quát hay không?	☐
Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt	Phương pháp được lựa chọn áp dụng có phù hợp với các điều kiện của dự án hay không? Và phiên bản áp dụng có còn hiệu lực tại thời điểm đệ trình để thực hiện xác minh dự án hay không?	☐
Nguồn phát thải và tính toán lượng	Các nguồn phát thải khí nhà kính sử dụng để tính toán lượng phát thải của dự án và phát thải tham chiếu có được liệt kê đầy đủ hay không?	☐

Nội dung thực hiện	Nội dung thẩm định	Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL)
giảm phát thải	Các giá trị mặc định (tính toán trước) cho các thông số của dự án được liệt kê trong Mẫu giám sát có phù hợp hay không (nếu áp dụng)?	☐
Đánh giá tác động môi trường	Trong trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), các thành viên tham gia dự án đã thực hiện ĐTM theo đúng quy định của Việt Nam hay chưa?	☐
Tham vấn các bên liên quan tại địa phương	Các thành viên tham gia dự án phải thực hiện quá trình tham vấn các bên liên quan tại địa phương nhằm gắn kết sự tham gia của các Bên và tập hợp ý kiến đóng góp cho dự án được đề xuất.	☐
Tổ chức giám sát	Phần mô tả về kế hoạch giám sát (sử dụng Mẫu kế hoạch giám sát và Cơ cấu tổ chức giám sát) phải dựa theo phương pháp đã phê duyệt và/hoặc Hướng dẫn về xây dựng Mẫu tài liệu thiết kế dự án, Kế hoạch giám sát và Báo cáo giám sát. Các điểm giám sát đo đạc và việc lắp đặt thiết bị (trong trường hợp cần thiết) phải đảm bảo tính phù hợp.	☐
Ý kiến công chúng	Các thành viên tham gia dự án đảm bảo dữ liệu điền vào Mẫu tài liệu thiết kế dự án có theo đúng Hướng dẫn thủ tục về chu trình dự án.	☐
Các hình thức liên lạc	Thông tin nhận biết về các thành viên tham gia dự án, cơ quan/tổ chức đại diện và cá nhân đại diện cho các đơn vị bao gồm chữ ký mẫu, chức vụ và thông tin về đại diện có thẩm quyền cần được liệt kê trong Mẫu về các hình thức liên lạc.	☐
	Mẫu phương thức công bố thông tin phải được hoàn thành một cách chính xác và theo đúng thẩm quyền.	☐
Tránh đăng ký trùng lặp	Dự án đăng ký thực hiện theo Cơ chế … không được đăng ký tham gia vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác.	☐
Thời điểm bắt đầu thực hiện	Thời điểm bắt đầu dự án theo Cơ chế … không được diễn ra trước ngày ... tháng ... năm ...	☐

Đại diện có thẩm quyền (chính thức):	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Chữ ký:	Ngày … tháng … năm …

B. Nhóm công tác thực hiện việc công nhận và chuyên gia

	Thành viên	Cơ quan	Chức vụ	Kinh nghiệm về các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm thực tế
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐

C. Hình thức xác nhận, kết quả và kết luận dựa vào quy định về báo cáo

C.1. Biểu mẫu về tài liệu thiết kế dự án (PDD)

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.2. Mô tả dự án

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.3. Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.4. Nguồn phát thải và tính toán lượng giảm phát thải

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.5. Đánh giá tác động môi trường

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.6. Tham vấn các bên liên quan tại địa phương

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.7. Tổ chức giám sát

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.8. Các phương thức công bố thông tin

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.9. Tránh đăng ký trùng lặp

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.10. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.11. Các vấn đề khác

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

D. Thông tin về ý kiến công chúng

D.1. Tóm tắt các ý kiến công chúng

D.2. Tóm tắt quá trình xử lý dữ liệu thu nhận của các thành viên tham gia dự án

E. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn và các tài liệu được cung cấp

E.1. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn

E.2. Danh sách tài liệu được cung cấp

Phụ lục: Bằng cấp hoặc Sơ yếu lý lịch các thành viên tham gia Nhóm thực hiện thẩm định dự án của Đơn vị thẩm định độc lập, các chuyên gia và kiểm soát kỹ thuật nội bộ

Đính kèm chứng chỉ và sơ yếu lý lịch của các thành viên nhóm thẩm định của Đơn vị thẩm định, các chuyên gia kỹ thuật và phản biện nội bộ của Đơn vị thẩm định

Mẫu số 04D

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 112/2026/VBHN-BNNMT))

KẾ HOẠCH/BÁO CÁO
THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN

A. Mô tả dự án

A.1. Tên dự án

A.2. Thông tin chung của dự án

Số tham chiếu	
Ngày đăng ký	.../.../...
Thời gian giám sát	Bắt đầu: .../.../..., Kết thúc: .../.../...

B. Đóng góp cho phát triển bền vững

B.1 Danh sách kiểm tra đóng góp cho phát triển bền vững

TT	**Các mục**		**Không xác định**	**Đã xác định**	**Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô "đã xác định"**
1	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Dự án được đưa vào Báo cáo đánh giá tác động môi trường	□	□	
2	Kiểm soát Ô nhiễm	Xảy ra ô nhiễm chất lượng không khí xung quanh	□	□	
3		Xảy ra ô nhiễm chất lượng nước	□	□	
4		Xảy ra phát sinh chất thải	□	□	
5		Xảy ra tiếng ồn và/hoặc độ rung	□	□	
6		Xảy ra sụt lún đất	□	□	

TT	Các mục		Không xác định	Đã xác định	Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô "đã xác định"
7		Xảy ra mùi xung quanh	□	□	
8	An toàn và sức khỏe	Xảy ra sự cố hoặc tai nạn lao động	□	□	
9	Môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học	Thay đổi tình trạng khu vực được bảo vệ	□	□	
10		Thay đổi điều kiện sử dụng đất và hệ sinh thái	□	□	
11		Giới thiệu các loài ngoại lai	□	□	
12		Tác động môi trường trong khi xây dựng	□	□	
13		Sử dụng nước bề mặt, nước ngầm và/hoặc nước ngầm sâu	□	□	
14	Kinh tế	Giảm năng lực lao động địa phương	□	□	
15		Suy giảm phúc lợi cộng đồng địa phương	□	□	
16	Sự tham gia của cộng đồng xã hội và địa phương	Vi phạm nhân quyền thông qua chuỗi cung ứng và thực hiện dự án	□	□	
17		Các vấn đề liên quan đến quyền về sức khỏe, quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, người di cư, trẻ em, người khuyết tật và người có hoàn cảnh dễ bị tổn thương và quyền phát triển, cũng như bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và công bằng giữa các thế hệ	□	□	
18		Xuất hiện tái định cư hoặc xung đột	□	□	
19		Thất bại trong việc theo dõi các nhận xét và khiếu nại	□	□	
20		Vi phạm điều kiện làm việc quy định	□	□	

TT	Các mục		Không xác định	Đã xác định	Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô "đã xác định"
21	Công nghệ	Thất bại trong việc xây dựng năng lực con người và thể chế bằng chuyển giao công nghệ	□	□	
22		Thất bại trong việc cung cấp được thông số kỹ thuật công nghệ và sách hướng dẫn sử dụng ít nhất bằng tiếng Anh và tiếng Việt nếu có	□	□	
Đánh dấu vào từng ô "Không xác định" hoặc "Đã xác định" tùy thuộc vào loại tác động thông qua việc thực hiện dự án phù hợp với từng hạng mục được xác định. Khi ô "Đã xác định" được đánh dấu, các bên tham gia dự án được yêu cầu mô tả các hành động khắc phục đối với từng tác động "Đã xác định".					

B.2 Mô tả đóng góp của dự án theo Cơ chế … cho sự phát triển bền vững ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới đây:
